

Số: *240* /TTr-UBND

Hón Quản, ngày *08* tháng *12* năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân
dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân
sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Báo cáo số 126/BC-HĐND-KTXH ngày 7/12/2022 của HĐND
huyện về thẩm tra tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư
công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Kết luận số 639-KL/HU ngày 01/12/2022 của Thường trực Huyện ủy
về giao kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi năm 2022 (đợt 2);*

*Căn cứ Kết luận số 643-KL/HU ngày 8/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện
ủy về các nội dung trình kỳ họp HĐND huyện cuối năm 2022;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số
1128/TTr-TCKH ngày 08/12/2022, Ủy ban Nhân dân huyện kính trình Hội đồng
nhân dân huyện thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách
địa phương giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Sự cần thiết phải điều chỉnh:

Tại kỳ họp thứ tư, khóa XII, HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số
10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025, nhưng chưa điều chỉnh lại
nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia



XD NTM; chưa điều chỉnh nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức và vốn thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, việc điều chỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để làm cơ sở phân bổ vốn triển khai thực hiện là cần thiết.

Thực hiện Kết luận số 552-KL/HU ngày 20/9/2022 của Thường trực Huyện ủy về chủ trương đầu tư và bổ sung danh mục đầu tư vào kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2021-2025, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và Kết luận số 592-KL/HU ngày 09/11/2022 của Thường trực Huyện ủy về giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng bào DTTS và miền núi; giảm nghèo bền vững năm 2022; đầu tư và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

Từ những lý do trên, việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là cần thiết.

2. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025:

Tại Báo cáo số 126/BC-HĐND-KTXH ngày 7/12/2022 của HĐND huyện về thẩm tra tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 thì kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh là 1.131.366 triệu đồng. Tuy nhiên thực hiện Kết luận số 643-KL/HU ngày 8/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thì kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh là 1.137.628 triệu đồng, tăng 6,292 tỷ đồng (*vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng bào DTTS và miền núi ngân sách TW và ngân sách tỉnh cấp bổ sung*) so với kế hoạch vốn đã được thẩm tra tại Báo cáo số 126/BC-HĐND-KTXH ngày 7/12/2022 của HĐND huyện.

Như vậy trên cơ sở thực hiện Kết luận số 643-KL/HU ngày 8/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thì tổng Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 là 1.137.628 triệu đồng, trong đó phân bổ chi tiết 1.114.858 triệu đồng, dự phòng 22.770 triệu đồng; tăng 68.161 triệu đồng so với Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua, cụ thể:

Điều chỉnh giảm vốn phân cấp 2.120 triệu đồng, nguyên nhân là do dự kiến vốn phân cấp tỉnh phân cấp cho các huyện, thị năm 2023 điều chỉnh giảm.

Điều chỉnh tăng vốn thu tiền sử dụng đất 71.100 triệu đồng, nguyên nhân là do dự kiến vốn thu tiền sử dụng đất năm 2023 tăng 71.100 triệu đồng so với Kế hoạch tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua.

Điều chỉnh giảm vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM 7.571 triệu đồng, nguyên nhân là do vốn Chương trình MNTQG xây dựng NTM NSTW dự kiến phân bổ giảm so với kế hoạch tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua và điều chỉnh tăng 6.752 triệu đồng vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng bào DTTS và miền núi.

a. Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 1.137.628 triệu đồng:

Vốn đầu tư do UBND huyện quyết định đầu tư dự kiến trong giai đoạn 2021-2025: 1.137.628 triệu đồng, Trong đó:

- | | |
|---------------------------------|---------------------|
| - Vốn phân cấp: | 133.810 triệu đồng. |
| - Vốn thu tiền sử dụng đất: | 713.840 triệu đồng. |
| - Vốn các chương trình MTQG: | 133.181 triệu đồng. |
| - Vốn tăng thu, kết dư: | 128.797 triệu đồng. |
| - Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học: | 28.000 triệu đồng. |

b. Phương án phân bổ chi tiết:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021-2025 là 1.137.628 triệu đồng, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp: 8.434 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới: 1.049.899 triệu đồng.
- Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao: 13.200 triệu đồng.
- Vốn chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS: 6.774 triệu đồng.
- Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025: 30.471 triệu đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025: 6.080 triệu đồng.
- Vốn dự phòng: 22.770 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

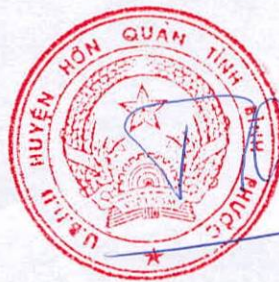
UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Phòng: TC-KH;
- LĐVP, CV:NC,HĐ;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH *lưu*



Phan Thị Kim Anh





KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt của trường đầu tư phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
	Tổng cộng		1.267.751	1.069.467	135.930	642.740	134.000	28.000	128.797	1.137.628	133.810	713.840	133.181	28.000	128.797	68.161
A	Công trình chuyển tiếp		68.429	8.434	8.434	-	-	-	-	8.434	8.434	-	-	-	-	-
I	Giao thông		5.000	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dây xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai		5.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
II	Giáo dục		18.185	3.750	3.750	-	-	-	-	3.750	3.750	-	-	-	-	-
1	Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1830 ngày 13/10/2019	9.985	1.650	1.650					1.650	1.650					-
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An	1865 ngày 29/10/2019	3.500	1.100	1.100					1.100	1.100					-
3	Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1829 ngày 23/10/2019	4.700	1.000	1.000					1.000	1.000					-
III	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			1.684	1.684	-				1.684	1.684	-				-
B	Công trình khởi công mới		1.199.322	945.769	94.946	591.638	116.100	28.000	115.085	1.049.899	100.626	679.247	113.229	28.000	128.797	104.150
	Công nghiệp		6.500	6.100	-	2.000	1.500	-	2.600	6.100	-	2.000	1.500	-	2.600	-
1	Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tăng Hách, xã An Phú	2216 ngày 31/12/2020	1.650	1.500		1.500				1.500			1.500			-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp	3964 ngày 23/8/2021	2.850	2.600					2.600	2.600					2.600	-
3	Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú	3314 ngày 9/7/2021	2.000	2.000		2.000				2.000		2.000				-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		806.760	685.021	45.010	474.284	79.500	-	86.227	774.315	48.410	542.143	83.823	-	99.939	89.294
1	Đường nhựa trước UBND xã An Phú	2213 ngày 31/12/2020	4.000	3.600		3.600				3.600			3.600			-
2	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
3	Láng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long	2214 ngày 31/12/2020	6.300	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
4	Láng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
5	Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)	2158 ngày 31/12/2020	2.000	1.800	1.800					1.800	1.800					-
6	Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long	2209 ngày 31/12/2020	6.000	5.400	5.400					5.400	5.400					-
7	Hạ tầng KDC Xã Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình	2211 ngày 31/12/2020	3.000	2.700	2.700					2.700	2.700					-
8	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	1459 ngày 22/6/2021	12.000	9.000		9.000				9.000		9.000				-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
9	Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2201 ngày 31/12/2020	4.500	4.100		4.100				4.100		4.100				-
10	Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2202 ngày 31/12/2020	3.700	3.350		3.350				3.350		3.350				-
11	Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2203 ngày 31/12/2020	3.700	3.250		3.250				3.250		3.250				-
12	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2204 ngày 31/12/2020	8.500	7.600	1.000	6.600				7.600	1.000	6.600				-
13	Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đồng Nơ	2199 ngày 31/12/2020	7.500	6.800		5.400			1.400	6.800		5.400			1.400	-
14	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	2212 ngày 31/12/2020	6.500	6.000		-			6.000	6.000		-			6.000	-
15	Các tuyến đường BTXM			180.411		117.284	5.300		57.827	178.879		117.852	3.200		57.827	(1.532)
16	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	3313 ngày 9/7/2021	7.600	6.600		5.600	1.000			6.600		5.600	1.000			-
17	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	4801 ngày 12/10/2021	10.600	9.500		2.300	7.200			9.500		2.300	7.200			-
18	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4802 ngày 12/10/2021	6.400	5.700		1.200	4.500			5.700		1.200	4.500			-
19	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	4800 ngày 12/10/2021	5.600	5.000		1.400	3.600			4.700		1.400	3.300			(300)
20	Nâng cấp đoạn đường ĐH Minh Đức - Đồng Nơ, đoạn từ ngã ba Bưu điện đến dốc Hương Cường dài 1,8km	4803 ngày 12/10/2021	11.000	10.000		6.600	3.400			7.700		7.700	-			(2.300)
21	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	3338 ngày 12/7/2021	7.600	7.600	2.100				5.500	7.600	2.100				5.500	-
22	Nâng cấp đường vào mỏ cát xã Tân Hiệp	3312 ngày 9/7/2021	5.700	5.200		2.700			2.500	5.200		2.700			2.500	-
23	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3311 ngày 9/7/2021	3.600	2.500					2.500	2.500					2.500	-
24	Xây dựng đường Đông Tây 9	4497 ngày 22/9/2021	18.000	16.000		16.000				12.578		12.578				(3.422)
25	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	4798 ngày 12/10/2021	8.000	7.200		7.200				7.200		7.200				-
26	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dâm – Địa Hat, xã Thanh An		18.000	16.200		8.200	8.000			9.000		1.000	8.000			(7.200)
27	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ	4496 ngày 22/9/2021	7.600	6.900	6.900		Trang 2			6.900	6.900					-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
28	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ		11.000	10.000		10.000	-			5.500		5.500				(4.500)
29	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An		8.000	7.200		7.200	-			4.000		2.000	2.000			(3.200)
30	Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An	4799 ngày 12/10/2021	10.000	9.000		5.000	4.000			7.000		7.000	-			(2.000)
31	Nâng cấp đường huyện Tân Lợi – Phước An – Thanh Bình		20.000	18.000		18.000				-		-				(18.000)
32	Xây dựng đường Đông Tây 12		30.000	27.000		27.000				-		-				(27.000)
33	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát		15.000	13.500			13.500			13.500			13.500			-
34	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức		10.000	9.000		1.000	8.000			9.000		1.000	8.000			-
35	Nâng cấp, sửa chữa đường Long Bình – Sóc Lớn		5.000	4.500	4.500	-				4.500	4.500	-				-
36	Xây dựng đường Đông Tây 16 khu TTHC huyện		3.000	27.000	7.260	19.740				27.000	7.260	19.740				-
37	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng các khu đất của Cty CS Bình Long và xây dựng cơ sở hạ tầng.		69.010	69.010		69.010				69.010		69.010				-
38	Xây dựng đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500				13.500		13.500				-
39	Xây dựng đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500				13.500		13.500				-
40	Xây dựng đường Bắc Nam 6 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 10		20.000	18.000	13.350	4.650				18.000	13.350	4.650				-
41	Xây dựng đường từ cổng TTVH xã kết nối đường Trà Thanh - An Khương		500	500		500				500		500				-
42	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên	5871 ngày 30/12/2021	2.400	2.200		2.200				2.200		2.200				-
43	Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí để huyện đạt chuẩn NTM		45.000	40.000		40.000				40.000		40.000				-
44	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản		23.000	20.000		20.000				16.125		16.125				(3.875)
45	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường Trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản		50.000	10.000		10.000				10.000		10.000				-
46	Xây dựng đường nhựa từ Trung tâm xã đi ấp 4 - xã Đồng Nơ		4.800	4.800			4.800			3.500			3.500			(1.300)
47	Xây dựng đường Trường An - Sóc Dầy xã Phước An		5.700	4.500		4.500				4.500		4.500				-
48	Làng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai		16.500	8.000					8.000	9.600	1.600				8.000	1.600

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
49	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)		5.600	2.500					2.500	3.800	1.300				2.500	1.300
50	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)		44.000	-						30.800		17.088	-		13.712	30.800
51	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)		5.000	-						3.500		2.200	1.300			3.500
52	Xây Dựng Đường từ ấp Sờ Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân		15.000	-						10.500		10.500				10.500
53	Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quan Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long		22.000	-						14.400		14.400				14.400
54	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1		4.900	-						3.400		3.400				3.400
55	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2		4.900	-						3.400		3.400				3.400
56	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1		4.900	-						3.400		3.400				3.400
57	Nâng cấp, sửa chữa khân cấp cống ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức		1.100	-						1.000			1.000			1.000
58	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú		9.000	-						6.119		3.000	3.119			6.119
59	Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú		3.200	-						3.200			3.200			3.200
60	Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú		1.800	-						1.719			1.719			1.719
61	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh		6.000	-						4.185		1.100	3.085			4.185
62	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)		14.900	-						11.400	500	10.900				11.400
63	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)		14.500	-						11.100		11.100				11.100
64	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)		14.500	-						11.300		11.300				11.300
65	Xây dựng mương, kè, cống ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An		14.000	-						9.800		9.800				9.800
66	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đồng Tân đi ấp Chả Lon, xã Minh Đức		14.800	-						10.300		10.300				10.300
67	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)		14.800	-						12.400		12.400				12.400

Trang 4

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
68	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A		14.900	-						9.100		9.100				9.100
69	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện		5.800	5.000		5.000				5.000		5.000				-
	Giáo dục		317.800	206.530	29.040	104.600	25.500	28.000	19.390	211.216	31.320	116.300	16.206	28.000	19.390	4.686
1	Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú	3856 ngày 11/8/2021	2.600	2.100			2.100			2.100			2.100			-
2	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú	3330 ngày 12/7/2021	5.000	4.500			1.500		3.000	4.100			1.100		3.000	(400)
3	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm	2207 ngày 31/12/2020	2.000	1.800		1.800	-			1.600		1.600	-			(200)
4	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm		500	450					450	450					450	-
5	Xây dựng hàng rào diêm lè trường TH Minh Tâm		400	350					350	350					350	-
6	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	3335 ngày 12/7/2021	4.500	2.940	1.000				1.940	2.940	1.000				1.940	-
7	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	3334 ngày 12/7/2021	3.600	2.800					2.800	2.800					2.800	-
8	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	3333 ngày 12/7/2021	13.500	8.000	3.700				4.300	8.000	3.700				4.300	-
9	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	3332 ngày 12/7/2021	7.100	5.600	2.400				3.200	5.600	2.400				3.200	-
10	Xây dựng Trường THCS Tân Khai		70.000	70.000	8.300	58.700		-	3.000	70.000	8.300	50.200	-	8.500	3.000	-
11	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	5917 ngày 31/12/2021	13.500	11.000		-	5.300	5.700		9.500		3.800	-	5.700		(1.500)
12	XD Trường Mầm non Minh Đức	5916 ngày 31/12/2021	22.000	5.000		3.500		1.500		14.000		12.500		1.500		9.000
13	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	5752 ngày 24/12/2021	5.700	4.900		-		4.900		4.000	1.200	-		2.800		(900)
14	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	5877 ngày 30/12/2021	13.500	8.500		-		8.500		9.500	3.000	-		6.500		1.000
15	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi		3.500	3.000				3.000		2.500		1.500		1.000		(500)
16	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp		1.600	1.400				1.400		1.000				1.000		(400)
17	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng		3.500	3.000				3.000		2.500		1.500		1.000		(500)
18	Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Tân Hiệp		1.800	1.620	1.620					900	900					(720)
19	Xây dựng 02 phòng học trường TH Trà Thanh		1.000	900	900		Trang 5			500	500					(400)

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
20	Xây dựng 03 phòng học trường TH Tân Hưng	-	1.500	1.400	1.400		-			1.000	1.000	-				(400)
21	Xây dựng 02 phòng học trường TH Tân Khai A		1.000	900	900					500	500					(400)
22	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình	792 ngày 7/5/2021	3.200	2.450	-		2.100		350	2.450	-		2.100		350	-
23	Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Thanh An		1.800	1.620	1.620					1.620	1.620					-
24	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Tân Hiệp		2.000	1.800	1.800					1.800	1.800					-
25	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Minh Tâm		2.000	1.800	1.800					1.800	1.800					-
26	Xây dựng 04 phòng học trường THCS Thanh An		2.000	1.800	1.800					1.800	1.800					-
27	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS An Khương		2.000	1.800	1.800	-				1.800	1.800	-				-
28	Đầu tư xây dựng các trường chuẩn QG và Chương trình GD năm 2018		123.000	55.100	-	40.600	14.500			52.106	-	41.200	10.906			(2.994)
29	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học		1.000	-						1.000		1.000				1.000
30	Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường chuẩn quốc gia		3.000	-						3.000		3.000				3.000
	Văn hóa		29.147	18.497	7.400	5.300	5.797	-	-	24.697	7.400	11.500	5.797	-	-	6.200
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phổ Lồ, Sóc Rủi, An Tân)		1.000	800			800			800			800			-
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú		750	700			700			700			700			-
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng		750	700		700				700		700				-
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)		1.200	1.000			1.000			1.000			1.000			-
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm		750	700			700			700			700			-
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm		750	700			700			700			700			-
7	Xây dựng hàng rào TTVH xã Minh Tâm		1.000	600			600			-			-			(600)
8	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức		3.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
9	XD nhà văn hóa, công nhà văn hóa ấp Sờ Nhì		785	785			785			785			785			-
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phất, Sóc Răng, Chà Là, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa		512	512			512			512			512			-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
11	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000	1.400	1.600				3.000	1.400	1.600				-
12	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
13	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000		3.000				3.000		3.000				-
14	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An		750	-						500		500				500
15	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm		400	-						370			370			370
16	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm		300	-						230			230			230
17	Xây dựng công hàng rào TTVH huyện		8.200	-			-			5.700		5.700	-			5.700
	QLNN		26.865	17.621	5.496	1.454	3.803	-	6.868	21.321	5.496	3.154	5.803	-	6.868	3.700
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	3308 ngày 9/7/2021	6.800	6.000	3.600	1.400			1.000	6.000	3.600	1.400			1.000	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	4825 ngày 14/10/2021	1.500	1.500	1.500					1.500	1.500					
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình	3329 ngày 12/7/2021	3.000	2.706			438		2.268	2.706			438		2.268	
4	Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú		1.100	1.000			1.000			1.000			1.000			
5	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm		1.200	1.200			1.200			1.200			1.200			
6	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Thanh Bình và mua sắm máy vi tính		195	195			195			195			195			-
7	XD nhà làm việc Công an xã Thanh Bình		970	970			970			970			970			-
8	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (đối ứng ngân sách huyện)		450	450	396	54				450	396	54				-
9	Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp công dân		4.400	3.600					3.600	3.600					3.600	-
10	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện		4.000	-						800		800				800
11	Cải tạo khuôn viên trước nhà bia ghi danh Liệt sỹ		2.100	-						2.000			2.000			2.000
12	Cải tạo sân nội bộ, nhà bảo vệ và nhà xe UBND xã Thanh Bình		1.150	-						900		900				900
	Y tế		12.250	12.000	8.000	4.000	-	-	-	12.250	8.000	4.150	100	-	-	250
1	Xây dựng các công trình phục vụ Y tế		12.000	12.000	8.000	4.000				12.000	8.000	4.000				-
2	Sửa chữa trạm y tế xã Tân Hưng		150	-						150		150				150

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
3	Sửa chữa trạm y tế xã Minh Đức		100	-						100			100			100
C	Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao			4.200	-	-	4.200			13.200	-	-	13.200			9.000
D	Vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS			-						6.774		22	6.752			6.774
E	Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025			36.832	30.020	6.812	-			30.471	22.720	7.751	-			(6.361)
F	Vốn chuẩn bị đầu tư			3.290	2.530	760				6.080	2.030	4.050				2.790
G	Dự phòng			70.942	-	43.530	13.700		13.712	22.770	-	22.770	-		-	(48.172)



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN

Số: /NQ-HĐND

ĐỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hón Quản, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021-2025.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTXH ngày / 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư công:

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của huyện.

Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

Không bố trí vốn cho các chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, trả nợ vay.

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

+ Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới.

2. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025:

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 1.137.628 triệu đồng, bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|---------------------|
| - Vốn phân cấp: | 133.810 triệu đồng. |
| - Vốn thu tiền sử dụng đất: | 713.840 triệu đồng. |
| - Vốn các chương trình MTQG: | 133.181 triệu đồng. |
| - Vốn tăng thu, kết dư: | 128.797 triệu đồng. |
| - Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học: | 28.000 triệu đồng. |

3. Phương án phân bổ:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021-2025 là 1.137.628 triệu đồng, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp: 8.434 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới: 1.049.899 triệu đồng.
- Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao: 13.200 triệu đồng.
- Vốn chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS: 6.774 triệu đồng.
- Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025: 30.471 triệu đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025: 6.080 triệu đồng.
- Vốn dự phòng: 22.770 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh giao UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét, điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện, UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- TT HĐND, TT UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

